

KHÁI LƯỢC QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HÀN QUỐC

1. Quy trình phát triển chương trình

Chương trình giáo dục Hàn Quốc được xem xét lại theo chu kỳ từ 7-10 năm từ lần thứ nhất tuyên bố vào năm 1954 đến chương trình lần thứ bảy (1997). Từ năm 1990 xu hướng toàn cầu hoá và xã hội thông tin buộc phải thay đổi cách xem xét chương trình, bắt đầu từ chương trình 2007. Chương trình 2009 duy trì khung tổng thể của Chương trình quốc gia, trung thành với chương trình lần thứ bảy. Quy trình chung về phát triển Chương trình giáo dục Hàn Quốc thay đổi một cách ổn định (constantly changing) theo các bước sau:

Thứ nhất, thu thập nhu cầu và các ý kiến về việc đổi mới chương trình thông qua thu thập các ý kiến công luận (ý kiến của hiệp hội nghiên cứu chương trình; Hội đồng tư vấn chương trình; Các đề xuất qua internet; Các chuyên gia...); Hiệp hội phát triển chương trình và sách giáo khoa; Phân tích thường niên về vận dụng thực hiện chương trình; Xu thế quốc tế về chương trình.

Thứ hai, đánh giá việc đề xuất đổi mới chương trình thông qua kiểm tra nhu cầu đổi mới chương trình; Tính tương thích của các sách do Bộ Giáo dục đề xuất; Sự phù hợp với nhu cầu quốc gia và xã hội; Tính khả thi của các điều kiện giáo dục hiện hành.

- Thứ ba, các quyết định đổi mới/thi hành được giới thiệu việc hướng dẫn về dạng thức và thực thi việc đổi mới chương trình cho các tỉnh/thành phố; Xem xét sách giáo khoa; Những công việc hướng tới cải thiện điều kiện giáo dục; Tập huấn và tuyên bố chính sách.

- Thứ tư, thực hiện đổi mới chương trình thông qua thu thập các kế hoạch chung về đổi mới chương trình; Nghiên cứu và phát triển kế hoạch đổi mới chương trình; Chuẩn bị kế hoạch đổi mới; Phê chuẩn và công bố kế hoạch đổi mới.

Việc chủ trì phát triển chương trình giáo dục phổ thông từ lần thứ nhất đến nay đều do Bộ Giáo dục khoa học và công nghệ (MEST) chủ trì. Tuy nhiên cơ quan phát triển chương trình thì có thay đổi qua mỗi lần xem xét lại chương trình. Từ lần thứ tư KICE là đơn vị chính. Cơ quan phát triển chương trình gồm các giáo sư, các nhà nghiên cứu, từ chương trình 2009 có thêm các giáo viên của

nhiều môn học khác nhau và các trình độ nhà trường khác nhau nhằm phản ánh đúng nhu cầu và thực tiễn giáo dục trong chương trình.

Về cơ bản cơ quan phát triển giáo dục thường có 03 hội đồng là Hội đồng chỉ đạo chung; Hội đồng cấp/lớp và Hội đồng môn học. Thứ trưởng Bộ MEST làm Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo và chủ tịch Hội đồng cấp học. Hội đồng cấp học bao gồm các uỷ viên và trưởng các Hội đồng môn học. Ngoài ra còn rất nhiều các tiểu ban đổi mới theo cấp và các hình thức nhà trường khác nhau, có bao nhiêu môn học thì có bấy nhiêu Hội đồng chương trình môn.

Dưới đây là mô phỏng về quy trình phát triển chương trình lần thứ bảy

Chương trình quốc gia lần thứ bảy được phát triển và thực hiện trên các nguyên tắc của Bộ Giáo dục, mặc dù trong thực tế, việc nghiên cứu phát triển chương trình là do sự chỉ đạo chính của các viện nghiên cứu quốc gia. Viện phát triển giáo dục Hàn Quốc (KEDI) trước đây chỉ đóng vai trò thứ yếu, nhưng đến năm 1998 Viện nghiên cứu chương trình và đánh giá Hàn Quốc (KICE) đã được giao việc nghiên cứu để phát triển chương trình và đánh giá học sinh. Trong trường hợp phần lớn chương trình hiện hành cần xem xét lại thì Ủy ban Tối cao cải cách giáo dục (Presidential Commission for Educational Reform) sẽ nêu lên những nguyên tắc cơ bản và các chỉ thị về chỉnh sửa chương trình. Sau đây là các bước cụ thể của lần thay đổi chương trình này.

Viện Nghiên cứu và phát triển (R&D) được uỷ quyền sửa chữa chương trình lần thứ bảy. Viện R&D thành lập Ủy ban Nghiên cứu sửa chữa chương trình bao gồm các chuyên gia giỏi của Viện R&D, các trường đại học, trường phổ thông và các công dân bình thường. Chương trình lần thứ bảy được nghiên cứu theo hai bước bao gồm:

Thứ nhất, Viện nghiên cứu và phát triển (R&D) nêu ra những nghiên cứu cơ bản về việc chữa chương trình, cùng với đó là sự phân tích tính phù hợp và hiệu quả của chương trình hiện hành, khảo sát sự đánh giá cần thiết của giáo viên, học sinh, phụ huynh và người dân. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu so sánh quốc tế về chương trình, sau đó đề ra giải pháp cải thiện như thế nào để có thể tích hợp các môn trong chương trình và cải thiện sách giáo khoa.

Thứ hai, Viện nghiên cứu và phát triển (R&D) nghiên cứu phát triển khung cơ bản của chương trình nhà trường, khung chương trình cơ bản cho cấp Tiểu học, trung học cơ sở và chương trình phân hoá dựa trên cơ sở năng lực văn

hoá của học sinh. Bên cạnh đó Viện nghiên cứu và phát triển khung chương trình cho trường trung học phổ thông nghề. Và khung chương trình cho cấp trung học phổ thông có mục tiêu đặc biệt (trường chuyên) như: khoa học, thể thao, ngoại ngữ, và nghệ thuật.

Viện R&D phát triển dự thảo khung chương trình cơ bản lần thứ bảy và báo cáo cho Bộ giáo dục và Bộ Giáo dục thành lập Ủy ban phản biện dự thảo chương trình lần thứ bảy xem xét một cách thận trọng về việc sửa chữa của bản dự thảo một vài lần với sự phối hợp của viện R&D. Bộ Giáo dục quyết định và công khai về Khung chương trình lần thứ bảy về những đặc điểm của chương trình lần thứ bảy và thời gian cho mỗi môn học và lớp học.

Bộ Giáo dục uỷ quyền cho viện R&D và một vài trường đại học phát triển chương trình các môn học. Trong lần chỉnh sửa thứ bảy này, Viện R&D được uỷ quyền phát triển chương trình các môn học Tiếng Anh, Tiếng Hàn, Thể dục, Nghệ thuật, Ngoại ngữ 2.

Viện R&D thành lập các tiểu ban nghiên cứu chỉnh sửa và phát triển chương trình các môn học được giao. Chương trình được biên soạn bởi Bộ Giáo dục và phản biện vài ba lần với sự hợp tác của các tiểu ban nghiên cứu.

Viện R&D tiến hành những nghiên cứu tiếp theo về chương trình lần thứ bảy, bao gồm vấn đề liên quan tới thực hiện phân hoá chương trình như thế nào; nhà trường sử dụng thời gian tùy ý ra sao; hiểu thế nào cho phù hợp về ý nghĩa của cụm từ "con người có giáo dục"; mục tiêu và nội dung giáo dục. Ngoài ra Viện R&D còn phát triển chi tiết bản hướng dẫn chương trình lần thứ bảy cho Cơ quan lãnh đạo giáo dục các tỉnh - thành phố và các nhà trường. Bộ Giáo dục tuyên bố về chương trình quốc gia lần thứ bảy vào cuối năm 1997 và Viện R&D được uỷ quyền là cơ quan làm sách giáo khoa cho Chương trình quốc gia lần thứ bảy.

Xin nêu thêm về quy trình chỉnh sửa Chương trình giáo dục Hàn Quốc 2007.

Bảng quá trình sửa đổi chương trình năm 2007

Thời điểm	Nội dung	Tổ chức chịu trách nhiệm
10/2003	Tuyên bố kế hoạch cho việc áp dụng chương trình sửa đổi.	Ministry of Education & Human Resources Development

12/2004 12/2006	~	- Thu thập nhu cầu chỉnh sửa chương trình. - Ủy ban quản lí phát triển chương trình và SGK. - Thiết lập trang chủ dịch vụ thông tin về chương trình giảng dạy và SGK. - Kiểm tra những đề xuất chỉnh sửa.	Ministry of Education & Human Resources Development Curriculum Council
08/2004 12/2004	~	Phân tích phác thảo chung của chương trình tổng quát và chương trình môn học trong trường Tiểu học, Trung học, chương trình Mẫu giáo và tiến hành nghiên cứu về cách sửa đổi.	Korea Institute for Curriculum and Evaluation
02/25/2005		Tuyên bố cách thực thi sửa đổi chương trình	Ministry of Education & Human Resources Development
04/2005 12/2005	~	- Phân tích chương trình những môn đặc biệt (như thương mại và các môn đặc biệt khác, các nhà trường chuyên biệt). - Tiến hành nghiên cứu cách chỉnh sửa.	Korea Institute for Curriculum and Evaluation/Korea Research Institute for Vocational Education & Training/Korea Institute for Special Education
04/2005 12/2005	~	Tiến hành nghiên cứu về cách phát triển sửa đổi Chương trình Tiểu học, Trung học; chương trình đào tạo chung và cơ bản cho mọi công dân.	Korea Institute for Curriculum and Evaluation
11/2005 12/2005	~	Điều trần công khai về đề nghị sửa đổi Chương trình Tiểu học, Trung học và chương trình chung và cơ bản cho mọi công dân.	Ministry of Education & Human Resources Development
04/2005 05/2005	~	Kiểm tra khả năng ứng dụng của những đề xuất sửa đổi Chương trình Tiểu học, Trung học; chương trình chung và cơ bản cho mọi công dân.	Ministry of Education & Human Resources Development
05/2006	~	Ủy ban chỉnh sửa chương	Curriculum Council

07/2006		trình Tiếng Anh và Toán.	
07/14/2006		Điều trần công khai về những sửa đổi chương trình Tiếng Anh và Toán.	Ministry of Education & Human Resources Development
04/2006 12/2006	~	Tiến hành nghiên cứu cách thức sửa đổi, bổ sung sửa đổi Chương trình Tiểu học, Trung học; chương trình đào tạo chung và cơ bản cho mọi công dân	Korea Institute for Curriculum and Evaluation
04/2006 12/2006	~	Tiến hành nghiên cứu cách thức sửa đổi, bổ sung sửa đổi cho các trường mẫu giáo, trường học đặc biệt, các khoá học tự chọn ở THPT và chương trình cốt lõi.	Korea Institute for Curriculum and Evaluation
09/2006 10/2006	~	Kiểm tra khả năng áp dụng những sửa đổi của các khoá học tự chọn THPT và chương trình cốt lõi.	Korea Institute for Curriculum and Evaluation
12/2006 01/2007	~	Diễn đàn sửa đổi Chương trình Tiểu học và Trung học	Ministry of Education & Human Resources Development
01/24/2007 01/25/2007	~	Ủy ban đánh giá chuyên sâu về việc chuẩn bị sửa đổi chương trình.	Ministry of Education & Human Resources Development
01/2007		Xem xét những đề nghị chỉnh sửa chương trình.	Curriculum Council
02/28/2007		Phê chuẩn và thông báo việc sửa đổi chương trình 2007.	The Minister of Education & Human Resources Development

2. Điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Chương trình giáo dục phổ thông Hàn Quốc (2009) được xây dựng và phát triển theo trình tự Bộ Giáo dục xây dựng Chương trình quốc gia và Chuẩn đánh giá, các cơ quan giáo dục tỉnh/thành phố sẽ hướng dẫn tổ chức, thực hiện chương trình quốc gia và chuẩn đánh giá cũng như các tài liệu dạy học. Nhà trường sẽ phát triển chương trình nhà trường và tư liệu dạy học, trong đó nhiệm vụ của giáo viên là lên kế hoạch dạy học cũng như tư liệu dạy học và kiểm tra đánh giá.

Giáo viên tiểu học dạy học sinh từ 6 tuổi đến 12 tuổi. Một giáo viên dạy tất cả các môn. Tuy nhiên một số trường hiện nay đã có giáo viên cho một số

môn chuyên biệt như Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Thực hành nghệ thuật và Hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Hàn Quốc có 11 trường đại học giáo dục quốc gia (universities of education), Khoa Tiểu học ở các trường đại học giáo dục quốc gia và các trường cao đẳng giáo dục là nơi đào tạo và cấp bằng cho giáo viên tiểu học. 11 trường đại học giáo dục được nhà nước thành lập từ năm 1981 đào tạo giáo viên trong 2 năm, nhưng gần đây để bảo đảm chất lượng đã thay đổi nâng lên 4 năm đại học. Mỗi trường đại học giáo dục đều có trường tiểu học để giáo viên thực tập giảng dạy.

Đối với giáo viên cấp trung học cơ sở là giáo viên bộ môn (specialist teachers) dạy học sinh từ 12 đến 15 tuổi - đây là giai đoạn giáo dục bắt buộc. Giáo viên cấp trung học cơ sở được đào tạo từ 41 trường Cao đẳng Sư phạm (colleges of education) trong cả nước. Ngoài ra các trường đại học hỗn hợp (Comprehensive universities) cũng có một số khoa Tiểu học. Giáo viên cấp trung học cơ sở được đào tạo hệ chính quy 4 năm và chia làm hai giai đoạn là giai đoạn cơ bản ban đầu và giai đoạn trang bị nghiệp vụ sư phạm. Sau 4 năm phải qua được 140 tín chỉ (credit). Muốn trở thành giáo viên cấp trung học cơ sở, người xin việc phải đạt 42 điểm ở các môn chính giai đoạn cơ bản và 20 điểm ở phần nghiệp vụ sư phạm. Tất cả các cơ quan giáo dục đều yêu cầu ở người xin việc những thủ tục như nhau. Sau khi có điểm tín chỉ, để được cấp bằng giáo viên, cần phải tiến hành thủ tục xin cấp phép (chứng nhận hành nghề) bằng hai cách thi hoặc không thi cấp phép.

Đối với giáo viên cấp trung học phổ thông là giáo viên bộ môn dạy học sinh từ 15 đến 18 tuổi trong các trường trung học cơ sở (senior high schools). Việc đào tạo giáo viên cấp trung học cơ sở nhìn chung cũng giống như đào tạo giáo viên cấp trung học cơ sở, phải qua chương trình đào tạo bậc Đại học - Cao đẳng (2014) của Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc), yêu cầu mỗi sinh viên muốn tốt nghiệp đại học phải học qua ít nhất 130 tín chỉ (gồm 36 hoặc nhiều hơn các tín chỉ về tri thức đại cương chung (general course); 39 tín chỉ hoặc nhiều hơn về kiến thức chuyên ngành chính (major course), ai học 2 chuyên ngành chính thì cần 60 tín chỉ; còn lại là các tín chỉ môn phụ (minors) hoặc liên môn phụ (interdisciplinary minors)). Riêng các sinh viên vào ngành Sư phạm phải có ít nhất 22 tín chỉ dạy học (teaching certification course). Điều đáng nói là tất cả các trường đại học - cao đẳng như: Nhân văn, KHTN, KHXX, điều dưỡng, Quản

trị kinh doanh, Kỹ thuật - công nghệ, Nông nghiệp và khoa học sự sống, Nghệ thuật, Giáo dục, Sinh thái học nhân văn (College of human ecology), Thú y, Âm nhạc, Y khoa, Nghiên cứu khoa học nhân văn (College of liberal studies), Nha khoa... Điều phải học từ 36 - 45 tín chỉ về giáo dục đại cương (general education - GE), trong đó bắt buộc có một số tín chỉ thuộc các lĩnh vực tri thức đời sống - xã hội (worlds of knowledge) gồm: ngôn ngữ và văn học ; văn hoá và nghệ thuật; Lịch sử và triết học; chính trị và kinh tế; Con người và xã hội; Tự nhiên và công nghệ; Cuộc sống và môi trường.

Theo đó, một sinh viên muốn tốt nghiệp bất kì ngành nào cũng phải có những hiểu biết chung ở các lĩnh vực nêu trên. Ví dụ, với trường khoa học tự nhiên (College of Natural Science) phải có ít nhất 12 tín chỉ về 4 - 5 lĩnh vực Ngôn ngữ và văn học; Văn hoá và nghệ thuật; Lịch sử và triết học; Chính trị và kinh tế; Con người và xã hội; hoặc sinh viên trường Kỹ thuật (khoa cơ khí và hàng không) phải có ít nhất 6 tín chỉ chọn trong 2-5 lĩnh vực vừa nêu. Chương trình đào tạo của các đại học Việt Nam rất nên tham khảo cách tổ chức và xây dựng nội dung chương trình đào tạo này của Hàn Quốc.

Việc biên soạn sách giáo khoa và các loại học liệu giáo dục được tiến hành trên cơ sở nhiều bộ sách giáo khoa, nhất là sách của các môn liên quan đến kì thi quốc gia (vào đại học - cao đẳng) như Toán, Tiếng Hàn, Tiếng Anh... Trong nhiều năm qua Bộ Giáo dục giao quyền cho các công ty tư nhân tổ chức biên soạn và in ấn, phát hành sách giáo khoa trừ một số bộ môn, trong đó có bộ môn Tiếng Hàn. Sách giáo khoa do đội ngũ các giáo sư đại học, cơ quan chuyên môn của Bộ, Viện chương trình và đánh giá Hàn Quốc (KICE) tổ chức biên soạn... Các nhà xuất bản tự tổ chức và gửi lên trên để được xem xét, đánh giá và cấp phép (Textbook certification).

Có ba loại sách giáo khoa: Loại I do Bộ Giáo dục biên soạn và giữ bản quyền; Loại II được Bộ Giáo dục cấp phép (certified) và có thể sử dụng; Loại III là loại sách có xác nhận (recognized) hoặc chịu sự quản lí của Bộ Giáo dục.

Loại I là loại gần như dùng trong tất cả các trường tiểu học. Với trung học cơ sở là các môn như Tiếng Hàn, Lịch sử Hàn Quốc, Giáo dục đạo đức. Loại II là loại sách được sử dụng phần lớn trong các trường trung học cơ sở và loại III là loại rất ít được sử dụng.

Chương trình và sách giáo khoa chỉnh sửa 2009 làm trong 2 năm, công bố vào tháng 8/2011. Sau khi nghiên cứu, phát triển và kiểm chứng SGK trong vòng 2 năm (2012 và 2013) thì 2014 sẽ được áp dụng từng bước.

Bậc học	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tiểu học	Công bố 8/2011	Nghiên cứu, phát triển, kiểm chứng SGK (Thí điểm?)		1-2	1-4	1-6
THCS				7	7-8	7-9
THPT				10	10-11	10-12

Trong quá trình chỉnh sửa chương trình luôn thực hiện: thông báo các điểm chỉnh sửa, điều trần công khai về các điểm chỉnh sửa; kiểm tra khả năng áp dụng của các điểm chỉnh sửa, tổ chức diễn đàn về việc chỉnh sửa... Tất cả những khâu này đều giúp cho việc nâng cao chất lượng chương trình và tính khả thi của chương trình; do đó có thể không cần thí điểm...

Ngân sách các trường cấp Tiểu học và cấp trung học cơ sở phụ thuộc vào nhà nước, miễn phí và bắt buộc trong toàn quốc. Đối với cấp trung học phổ thông, người học phải đóng một số học phí để bổ sung vào ngân sách nhà nước, quỹ phụ huynh và địa phương. Bộ Giáo dục, khoa học và công nghệ chuyển 80% ngân sách cho các cơ quan giáo dục tỉnh, thành phố dành cho giáo dục Tiểu học và trung học cơ sở. Số còn lại thuộc về quỹ quản lý của Bộ. Chính quyền trung ương cũng phải chịu phí tổn cho giáo viên trong giáo dục bắt buộc.

Bảng chi phí cho giáo dục của Hàn Quốc

Location	Tertiary	Primary	Secondary
France	16.194.2	7.200.6	11.482.0
Germany	16.894.5	8.103.5	11.106.4
Hungary	9.979.8	5.434.9	4.236.4
Iceland	11.255.5	10.569.1	9.041.3
Indonesia	2.094.5	1.183.8	983.8
Ireland	13.380.5	8.042.0	10.785.7
Israel	15.184.7	6.941.2	5.831.3
Italy	11.171.7	8.392.2	9.023.2
Japan	17.882.6	8.748.1	10.272.8
Korea	9.323.3	7.957.5	8.591.6
Latvia	8.192.7	5974.4	6.009.8
Lithuania	8.696.8	5.078.6	4.826.4
Luxembourg	40.932.9	17 959.4	19.762.3

Nguồn: *Education at a glance: Educational finance indicators, 2013.*

Với chi phí trên, giáo dục Hàn Quốc có điều kiện phát triển và cải thiện về cơ sở vật chất trường học. Có thể thấy số học sinh trong mỗi lớp/mỗi cấp qua các năm giảm rất đáng kể. Những năm gần đây 2008 - 2009 số học sinh/lớp cho cả ba cấp học của Hàn Quốc chỉ trên dưới 30 học sinh. Một nghiên cứu gần đây về sĩ số lớp học ở Mỹ cho thấy: "Khuôn khổ lớp học đã chứng tỏ rằng ở những lớp ít học sinh sẽ có chất lượng học tập tốt hơn, và đó là một cản trở lớn về kinh tế trong giáo dục". Bởi vì ai cũng biết vấn đề thu nhỏ dần sĩ số trong lớp học liên quan rất nhiều đến cơ sở vật chất của một nhà trường. Bên cạnh đó giáo dục Hàn Quốc được sự hỗ trợ rất nhiều của xu hướng xã hội hoá giáo dục, các trường tư thục phát triển mạnh, nhất là ở cấp trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông đóng một vai trò quan trọng và trở thành "một trong hai trụ cột chính trợ giúp đắc lực cho giáo dục Hàn Quốc".

Nền kinh tế Hàn Quốc phát triển mạnh mẽ trong những năm qua đã giúp Hàn Quốc có cơ sở để đào tạo và thu hút nhiều nhân tài vào nghề sư phạm. Với sự đãi ngộ về tài chính và tính chất nghề nghiệp ổn định đã thu hút được nhiều tài năng cá nhân vào nghề sư phạm. Đội ngũ nhà giáo tuyệt vời của Hàn Quốc đã đóng góp to lớn vào chất lượng của giáo dục nhà trường. Lương của giáo viên Hàn Quốc được xếp vào loại khá cao.

Bảng lương giáo viên tiểu học có 15 năm thâm niên của một số nước

Location	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Finland	100.00	101.00	103.00	104.00	104.00	103.00	102.00	100.00
France	100.00	99.00	98.00	97.00	96.00	97.00	96.00	94.00
Greece	100.00	100.00	101.00	103.00	104.00	92.00	86.00	77.00
Hungary	100.00	98.00	93.00	92.00	81.00	78.00	75.00	71.00
Iceland	100.00	105.00	99.00	104.00	112.00	103.00	100.00	96.00
Ireland	100.00	104.00	107.00	107.00	115.00	115.00	113.00	112.00
Israel	100.00	103.00	113.00	121.00	131.00	135.00	142.00	143.00
Italy	100.00	99.00	97.00	97.00	99.00	100.00	98.00	95.00
Japan	100.00	100.00	96.00	93.00	94.00	93.00	93.00	93.00
Korea	100.00	101.00	101.00	99.00	95.00	93.00	95.00	95.00
Luxembourg	100.00	100.00	100.00	96.00	98.00	134.00	131.00	135.00
Mexico	100.00	102.00	103.00	104.00	103.00	103.00	107.00	107.00
New Zealand	100.00	101.00	101.00	103.00	103.00	105.00	106.00	104.00

Nguồn: Education Database: ISCED-97, Educational Personnel

Bảng số giờ dạy trong tuần của giáo viên Hàn Quốc (so với một số nước)

Location	Lower secondary, teaching time	Lower secondary, preparation time
Finland	20.6	4.8
France	18.6	7.5
Georgia	15.8	7.6
Iceland	19.0	7.3
Israel	18.3	5.2
Italy	17.3	5.0
Japan	17.7	8.7
Korea	18.8	7.7
Latvia	19.2	6.4
Malaysia	17.1	6.4
Mexico	22.7	6.2
Netherlands	16.9	5.1
New Zealand	18.0	7.2

Nguồn: TALIS Teaching and learning international survey - indicators

TTBD ĐBDC

